

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1583/2020/KDTM-ST  
Ngày: 23/9/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ủ Thị Bạch Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Lê Giáo

2/ Ông Phạm Văn Hề

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Tôn Mạnh Hùng.

Trong các ngày 07 và 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 167/2018/TLST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2018 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3659/2020/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH P.K

Địa chỉ: Ấn Độ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Y và bà Trương Ngọc Th

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần TP

Địa chỉ: 12 đường số 6, phường MB, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Hồng Q

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn: Công ty TNHH P.K có bà Nguyễn Thị Y đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngày 14/11/2014 Công ty TNHH P.K và Công ty Cổ phần TP đã ký hợp đồng mua bán cám gạo trích ly số EXP/028A/14-15, tổng giá trị hợp đồng là 162,000 USD tương đương 3.709.800.000 đồng. Giá trị đúng sẽ căn cứ vào khối lượng thực tế.

Công ty TNHH P.K đã giao hàng đúng thời gian theo qui định, cụ thể: hóa đơn số 8082647 ngày 27/02/2015 với trị giá 83,206.44 USD và hóa đơn số 8123462 ngày 02/03/2015 với trị giá 83,211.79 USD. Tổng trị giá hàng hóa là 166,418.23 USD.

Tính đến ngày 12/4/2016, Công ty Cổ phần TP mới trả cho Công ty TNHH P.K là 10,000 USD. Công ty Cổ phần TP còn phải thanh toán số tiền: 156,418.23 USD tương đương 3.639.852.212 đồng (tỷ giá quy đổi 23.270VND/USD) và tiền lãi tính đến ngày 11/8/2020 là 35.563,83 USD tương đương 827.570.324 đồng. Công ty TNHH P.K đã nhiều lần liên hệ điện thoại, gửi văn bản yêu cầu thanh toán nhưng đến nay Công ty Cổ phần TP vẫn không thanh toán số tiền còn lại.

Do đó, Công ty TNHH P.K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần TP thanh toán cho Công ty TNHH P.K số tiền tổng cộng là 191.982,06 USD tương đương 4.467.422.536 đồng bao gồm: Nợ gốc là 156,418.23 USD tương đương 3.639.852.212 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/8/2020 là 35.563,83 USD tương đương 827.570.324 đồng (cách tính số tiền lãi chậm trả theo Bảng tính lãi ngày 11/8/2020); Trả một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**\* Bị đơn: Công ty Cổ phần TP có ông Lê Văn K đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Bị đơn thừa nhận còn nợ Nguyên đơn số nợ của hợp đồng số EXP/028A/14-15 ngày 14/11/2014 chi tiết theo 02 hóa đơn với tổng số tiền là 166,418.23 USD, hóa đơn số 8082647 ngày 27/02/2015 với trị giá 83,206.44 USD và hóa đơn số 8123462 ngày 02/03/2015 với trị giá 83,211.79 USD. Ngày 12/4/2016 Bị đơn đã trả số tiền nợ gốc là 10.000 USD.

Bị đơn đồng ý trả nợ cho Nguyên đơn nhưng không thể trả ngay một lần như Nguyên đơn yêu cầu mà chỉ có thể thanh toán theo phương thức là cam kết nhập hàng trở lại của Nguyên đơn mỗi tháng từ 600-900 tấn và song song đó sẽ trả nợ cũ theo cách cộng vào giá nhập hàng từ 5-10 USD/tấn.

**Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền Nợ gốc là 156,418.23 USD tương đương 3.639.852.212 VNĐ và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/8/2020 là 35.563,83 USD tương đương 827.570.324 VNĐ, yêu cầu thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam và trả dứt một lần số tiền nêu trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn thừa nhận còn nợ Nguyên đơn tiền mua hàng còn thiếu là 156,418.23 USD tương đương 3.639.852.212 VNĐ nhưng xin được trả dần trong vòng 12 tháng. Đối với số tiền lãi, Bị đơn yêu cầu Nguyên đơn miễn toàn bộ số tiền lãi do Bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính nên không thể trả lãi theo yêu cầu của Nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận có gửi cho Nguyên đơn thư điện tử ngày 24/3/2016 trong đó có nội dung xác nhận số tiền còn nợ của Nguyên đơn và cam kết ngày 30/4/2016 sẽ trả nợ, nhưng chưa thực hiện được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ theo bảng chiết tính lãi ngày 11/8/2020 của Nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm cùng các chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền gốc do mua bán hàng cám gạo là 156,418.23 USD tương đương 3.639.852.212 VNĐ. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả số tiền nợ gốc còn thiếu nêu trên do mua hàng chưa thanh toán là có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về yêu cầu tiền lãi của Nguyên đơn: Tại thư điện tử ngày 24/3/2016 do Bị đơn gửi cho Nguyên đơn cam kết sẽ thanh toán nợ cho Nguyên đơn theo phương thức trả góp hàng tháng là 10.000USD ngày trả là 30/4/2016, nhưng Bị đơn không thực hiện được. Vì vậy, kể từ ngày 30/4/2016, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Nguyên đơn yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên từ ngày 30/4/2016 đến ngày 11/8/2020 với mức lãi suất theo bảng chiết tính lãi ngày 11/8/2020 của Nguyên đơn là phù hợp với các văn bản số 14411 ngày 10/12/2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, số 933 ngày 09/6/2020 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và số 803 ngày 18/6/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại quy định về “Quyền yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán”. Do đó, Nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán tiền mua hàng với số tiền là 35.563,83 USD tương đương 827.570.324 VNĐ (tạm tính đến ngày 11/8/2020) là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về phương thức thanh toán: Do Bị đơn đã vi phạm về thời gian thanh toán tiền mua hàng nên Nguyên đơn yêu cầu trả dứt một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn phù hợp. Bị đơn xin trả dần trong vòng 12 tháng là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền gốc là 3.639.852.212 đồng và tiền lãi là 827.570.324 đồng (tạm tính đến ngày 11/8/2020), tổng cộng là 4.467.422.536 đồng, trả dứt một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần TP phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thi hành, cụ thể án phí phải chịu là 112.467.422 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;
- Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH P.K:**

Buộc Công ty Cổ phần TP phải trả dứt một lần cho Công ty TNHH P.K số tiền 4.467.422.536 đồng bao gồm: tiền gốc 3.639.852.212 đồng và tiền lãi là 827.570.324 đồng (tạm tính đến ngày 11/8/2020).

Thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó cho nguyên đơn theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

**2. Về án phí:**

Công ty Cổ phần TP phải chịu án phí sơ thẩm là 112.467.422 đồng.

Công ty TNHH P.K được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.497.720 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0045564 ngày 05/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ủ Thị Bạch Yến**